TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-ST
Ngày: 10-5-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dá.

Ông Võ Tấn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc G (Trần Thị G), sinh năm 1984 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Lê T, sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, quá trình giải quyết và tại

phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ trình bày:

Bà làm chủ hụi và quá trình tổ chức có vợ chồng ông Huỳnh Lê T và bà Trần Thị Ngọc G tham gia chơi hụi. Trong đó dây hụi 3.000.000 đồng mở ngày 30/12/2009 âl (06 tháng khui 01 kỳ), hụi có 24 phần chia làm 24 kỳ mở hụi và vợ chồng bà G tham gia 01 phần, đã nhận tiền hụi tại kỳ 06 ngày 30/4/2012 âl. Để được nhận tiền hụi, vợ chồng bà G bỏ lãi 2.630.000 đồng nên phần hụi sống người chơi phải đóng là 370.000 đồng. Hụi hoạt động đến kỳ 8 do việc thu tiền hụi viên khó khăn nên không thể tiếp tục hoạt động, bà thông báo ngưng hụi. Vợ chồng bà G đã nhận tiền hụi nên phải tiếp tục đóng hụi đến khi đủ 24 kỳ, do hụi ngưng hoạt động bà thương lượng với thành viên có phần hụi sống xin được trả vốn và họ đồng ý nên bà thỏa thuận với vợ chồng bà G thu tiền vốn 16 kỳ là 5.920.000 đồng (370.000 đồng x 16 kỳ). Khi thỏa thuận, vợ chồng G đồng ý nhưng đến khi thu tiền thì họ không giao. Bà giữ nguyên yêu cầu ông Huỳnh Lê T và bà Trần Thị Ngọc G thanh toán cho bà tiền hụi là 6.920.000 đồng, gồm: 16 kỳ vốn là 5.920.000 đồng (370.000 đồng x 16 kỳ) và 1.000.000 đồng tiền hụi kỳ 8. Về tiền lãi 4.515.000 đồng, bà yêu cầu được rút phần yêu cầu này.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Ngọc G trình bày:

Bà và chồng là Huỳnh Lê T có tham gia chơi hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 30/12/2009 âl của bà Đ tổ chức. Hụi có 24 phần, khui một năm 02 lần, bà tham gia 01 phần và đã nhận tiền hụi ở kỳ thứ 06, xong tiếp tục đóng hụi chết đến kỳ thứ 13 thì ngưng, việc giao tiền hụi không lập giấy tờ nên không chứng cứ chứng minh. Bà đồng ý trả tiền hụi còn nợ 1.000.000 đồng của kỳ thứ 13 và 11 kỳ hụi sống, mỗi kỳ 370.000 đồng nhưng yêu cầu trả dần mỗi năm 02 lần theo vụ mùa như kỳ khui hụi.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Lê T trình bày:

Ông và vợ có đăng ký tham gia dây hụi 3.000.000 đồng mở hụi lần đầu ngày 30/12/2009 âl do bà Đ làm chủ, đã nhận tiền kỳ mở hụi lần thứ 6 và đóng hụi chết đến kỳ thứ 13 thì ngưng. Do bà Đ bỏ đi nơi khác làm thuê nên khi giao tiền hụi chủ yếu đưa cho con của bà Đ, việc giao tiền không chứng cứ chứng minh. Ông đồng ý trả tiền hụi còn nợ 1.000.000 đồng của kỳ thứ 13 và 11 kỳ hụi sống, mỗi kỳ 370.000 đồng nhưng yêu cầu trả dần mỗi năm 02 lần theo vụ mùa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà G và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ tiền hụi là 6.920.000 đồng. Đối với yêu cầu về tiền lãi, nguyên đơn rút yêu cầu nên

đề nghị đình chỉ. Đồng thời buộc bà G và ông T phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng hụi đối với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đương sự được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập và đều có mặt tại phiên tòa, không khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ông Huỳnh Lê T và bà Trần Thị Ngọc G thanh toán tiền hụi là 6.920.000 đồng và rút một phần nội dung khởi kiện đối với yêu cầu về tiền lãi 4.515.000 đồng.

[3] Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi 4.515.000 đồng của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc rút một phần đơn khởi kiện và đình chỉ giải quyết theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với yêu cầu buộc bà G và ông T trả tiền hụi 6.920.000 đồng: Qua xem xét lời khai tại phiên tòa, bà G và ông T thừa nhận vợ chồng ông, bà có tham gia dây hụi mùa 3.000.000 đồng, mở ngày 30/12/2009 âl do bà Nguyễn Thị Kim Đ làm chủ. Căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử công nhận giữa bà Đ và vợ chồng bà G có giao kết hợp đồng hụi nêu trên.

[5] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ yêu cầu buộc vợ chồng bà G thanh toán 6.920.000 đồng gồm: Tiền hụi kỳ 8 là 1.000.000 đồng, hụi kỳ 9 đến kỳ 24 là 5.920.000 đồng. Vợ chồng bà G thừa nhận có nợ 1.000.000 đồng và 11 kỳ hụi, mỗi kỳ 370.000 đồng nên đồng ý trả nguyên đơn số tiền này. Đối với việc sau khi nhận tiền hụi có tiếp tục góp hụi chết đến kỳ 13 (07 kỳ), vợ chồng bà G không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc góp hụi này. Căn cứ nguyên tắc hoạt động của hụi, người chơi đã nhận tiền hụi phải tiếp tục góp các phần hụi đến khi thành viên cuối cùng được nhận tiền hụi, có nghĩa là vợ chồng bà G phải có trách nhiệm góp đủ 24 kỳ hụi. Sau khi nhận tiền hụi thì vợ chồng bà G chỉ thực hiện nghĩa vụ góp hụi đến kỳ thứ 08 (sau khi nhận tiền góp thêm 02 kỳ), các kỳ hụi còn lại bà Đ góp thay nên việc bà Đ yêu cầu người chơi là vợ chồng bà G phải thanh toán các phần hụi chậm trả từ kỳ 9 đến kỳ 24 số tiền 5.920.000 đồng là có cơ sở. Đối với số tiền 1.000.000 đồng của kỳ 8, do vợ chồng bà G thừa nhận khi đóng hụi còn nợ bà Đ số tiền 1.000.000 đồng. Do

đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận buộc vợ chồng bà G phải hoàn trả tiền hụi cho bà Đ, số tiền 6.920.000 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 288; Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng hụi đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Lê T.

- Buộc bà Trần Thị Ngọc G và ông Huỳnh Lê T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim Đ số tiền 6.920.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 246 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về tiền lãi 4.515.000 đồng.

3. Về án phí:

- Ông Huỳnh Lê T và bà Trần Thị Ngọc G liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 346.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim Đ không phải chịu tiền án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003285 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh Mai